| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HƯNG HÀ**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 21- 01- 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Đức Nghị

2. Bà Trần Thị Thủy.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Trần T Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến D chung sống tự nguyện như vợ chồng từ khoảng tháng 4 năm 2002 và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa pH

nhưng không đăng ký kết hôn vì thời điểm này chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục địa pH vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống hay xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 02 năm 2021, đôi bên không khắc phục phục được, anh D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H để sinh sống, chị và anh D sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh D là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị và anh D có 03 con chung là Nguyễn Trần Thu H, sinh ngày 17-02-2003, Nguyễn Trần Như H, sinh ngày 02-6-2009 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 27-10-2012, hiện con chung Nguyễn Trần Thu H đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn chị xin nuôi cả 02 con chung Nguyễn Trần Như P và Nguyễn Trần Đức T, không yêu cầu anh D góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Tiến D vắng mặt nên không có ý kiến trình bầy.

***Tại biên xác minh và biên bản ghi lời khai, bà Đoàn Thị T là mẹ đẻ anh Nguyễn Tiến D trình bày***:

Vào tháng 10 năm 2021, gia đình bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà gửi cho anh D. Hiện nay anh D đang làm ăn tự do tại tỉnh Lào Cai, không có địa chỉ cụ thể nên bà không cung cấp địa chỉ của anh D cho Tòa án được. Bà đã thông báo nội dung các văn bản trên cho anh D, anh D biết được hiện nay Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh D nhưng vì anh D bận công việc nên không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo giấy báo của Tòa án được, quan điểm của anh D như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị T chung sống tự nguyện như vợ chồng từ khoảng tháng 4 năm 2002 và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn vì thời điểm này chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào cuối năm 2002 vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống hay xảy ra cãi nhau

vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 02 năm 2021, đôi bên không khắc phục phục được, anh D đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã H để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị T và anh là vợ chồng anh nhất trí.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 03 con chung là Nguyễn Trần Thu H, sinh ngày 17-02-2003, Nguyễn Trần Như P, sinh ngày 02-6-2009 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 27-10-2012, hiện con chung Nguyễn Trần Thu H đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn anh nhường chị T nuôi cả 02 con chung Nguyễn Trần Như P và Nguyễn Trần Đức T, anh không góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử không công nhận chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tiến D là vợ chồng; về nuôi con chung: Hiện con chung Nguyễn Trần Thu H đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết; xử giao 02 con chung Nguyễn Trần Như P, sinh ngày 02-6-2009 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 27-10-2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của chị T, không yêu cầu anh D góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; về chia tài sản chung: Chưa giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Tiến D là vợ chồng, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh D, anh D biết việc TAND huyện Hưng Hà đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh D nhưng do anh D không đến Tòa án để làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên TAND huyện Hưng Hà tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T đề nghị Tòa án không hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T trình bày chị và anh D chung sống như vợ chồng, không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo biên bản xác minh của Tòa án tại UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thể hiện qua hồ sơ hộ tịch đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã H thì vào năm 2002 chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tiến D không có tên trong sổ đăng ký kết hôn. Vì vậy cần xác định chị T và anh D có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi tổ chức cưới theo phong tục địa phương, chị T và anh D chung sống hòa thuận đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay. Nay chị T khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh D là vợ chồng, anh D nhất trí. HĐXX thấy chị T và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử tuyên bố không công nhận chị T và anh D là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh D có 03 con chung là Nguyễn Trần Thu H, sinh ngày 17-02-2003, Nguyễn Trần Như P, sinh ngày 02-6-2009 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 27-10-2012, hiện con chung Nguyễn Trần Thu H đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Đối với 02 con chung P và T, chị T xin được nuôi cả 02 con chung, anh D nhất trí. Vì vậy cần giao 02 con chung P và T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện nuôi còn hoàn toàn của chị T, không yêu cầu anh D góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Mặc dù chị T trình bầy chị và anh D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; qua biên bản xác minh và biên bản

ghi lời khai bà T cung cấp, anh D trình bầy không có tài sản chung nhưng do chưa có ý kiến trực tiếp của anh D nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết về phần tài sản chung của chị T và anh D tại phiên tòa này. Chị T và anh D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản (nếu có) bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

*1. Về hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tiến D là vợ chồng.

*2.Về nuôi con chung:* Chị T và anh D có 03 con chung là Nguyễn Trần Thu H, sinh ngày 17-02-2003, Nguyễn Trần Như P, sinh ngày 02-6-2009 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 27-10-2012, hiện con chung Nguyễn Trần Thu H đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Xử giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trần Như P và Nguyễn Trần Đức T. Anh D không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*3. Về chia tài sản chung:* Không xem xét giải quyết.

*4.Về án phí:* Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003424 ngày 14-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị T đã nộp đủ).

*5.Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã H và M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Bích Thủy**